

Bản án số: 01/2022/KDTM-PT
Ngày 24 -5- 2022
*V/v Tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Kim Quy

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Mạnh Cường

Ông Lâm Anh Luyện

-Thư ký phiên toà: Bà Thiều Thị Minh Huyền - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Bà Lâm Thị Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Các ngày 07/4/2022, ngày 06/5/2022, 24/5/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2021/TLPT-KDTM, ngày 27/12/2021 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”. Do bản án sơ thẩm số 03/2021/KDTM-ST ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐ-PT ngày 28 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần kinh doanh xây dựng và thương mại T. Địa chỉ: Số 21/24 ngõ 32A H, phường O, quận Đ, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T1 - Giám đốc Công ty.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng Q, ông Bùi Hữu T2; cùng địa chỉ: Công ty luật TNHH H, tầng 25, tòa nhà ICON 4, 243A Đ, phường L, quận Đ, Hà Nội (*Hợp đồng uỷ quyền số 915/2018/HĐUQ*); ông T2 có mặt các ngày 07/4/2022, ngày 06/5/2022, vắng mặt ngày 24/5/2022 có đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Giao thông xây dựng S; địa chỉ: Số 310 đường T, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Hải L - Chủ tịch HĐQT kiêm giám đốc công ty; địa chỉ: Số 310, đường T, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang, có mặt ngày 07/4/2022, vắng mặt các ngày 06/5/2022, 24/5/2022 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2016, Công ty cổ phần kinh doanh xây dựng và thương mại T (gọi tắt là Công ty T) và Công ty cổ phần giao thông xây dựng S (gọi tắt là Công ty GTXD S) ký kết 02 bộ hợp đồng mua bán để cung cấp các sản phẩm nhựa đường và nhũ tương phục vụ thi công dự án đường cao tốc BOT Bắc Giang - Lạng Sơn, gồm:

- Hợp đồng bán hàng số 02.2016/TĐ-GTXD và Phụ lục Hợp đồng mua bán số 01 ký ngày 24/11/2016 (Gọi tắt là bộ HĐ số 02);

- Hợp đồng mua bán hàng số BIT/1504-2016 ngày 15/4/2016 và 02 Phụ lục kèm theo gồm: Phụ lục Hợp đồng bán hàng số 02, ngày 01/6/2016 và Phụ lục Hợp đồng bán hàng số 03, ngày 18/6/2016 (Gọi tắt là Bộ HĐ số 1504).

Thực hiện 02 bộ Hợp đồng nói trên, Công ty T đã nhiều lần giao hàng cho Công ty GTXD S tại công trường thi công Dự án đường cao tốc BOT Bắc Giang - Lạng Sơn, trạm trộn Asphalt của Công ty GTXD S số 1 đặt tại thôn T, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tính đến ngày 13/10/2017, Công ty GTXD S đã thanh toán cho Công ty T số tiền là 13.800.000.000^d (Mười ba tỷ, tám trăm triệu đồng chẵn).

Sau đó, giữa công ty T và công ty GTXD S phát sinh mâu thuẫn. Công ty T cho rằng số tiền gốc còn lại Công ty GTXD S chưa thanh toán cho Công ty T là 1.148.737.100VNĐ, nhưng phía công ty GTXD S không hợp tác để chuyển nợ hoặc dùng tài sản khác thanh toán cho Công ty T.

Cho rằng Công ty GTXD S chây ỳ không trả nợ nên Công ty T đã khởi kiện tại TAND huyện Lg, tỉnh Bắc Giang - là nơi thực hiện hợp đồng và đề nghị Toà án giải quyết buộc bị đơn phải thanh toán cho Công ty T toàn bộ số tiền cả gốc và lãi, tiền phạt tính đến ngày 15/9/2018 là 3.303.657.143^d. Sau đó, Tòa án nhân dân huyện L đã chuyển vụ án đến Tòa án nhân dân thành phố H để giải quyết theo thẩm quyền. Nay nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố H buộc bị đơn Công ty GTXD S phải thanh toán cho Công ty T tổng số tiền 3.728.362.953^d (Ba tỷ bảy trăm hai tám triệu ba trăm sáu hai nghìn chín trăm năm ba đồng), bao gồm tiền nợ gốc là 1.148.737.100^d; tiền lãi chậm trả (tính đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm 17/11/2021) là 2.487.726.885^d; tiền phạt vi phạm là 91.898.968^d.

* Theo các văn bản trình bày ý kiến, bị đơn Công ty GTXD S trình bày: Công ty GTXD S xác nhận có ký 02 bộ hợp đồng mua bán với Công ty T, cụ thể: Hợp đồng số 02 và hợp đồng số 1504 cùng các bản phụ lục kèm theo 02 bộ hợp đồng từ năm 2016 giữa Công ty T (bên bán) và Công ty GTXD S (Bên mua) về việc cung cấp toàn bộ nhựa nóng, nhũ tương để phục vụ cho dự án xây dựng đường cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn. Trong quá trình thực hiện hợp đồng hai đơn vị rất hợp tác, tuy nhiên trong thời gian thi công do thu xếp nguồn vốn giữa ngân hàng và chủ đầu tư có tính toán lại nên dự án bị gián đoạn 2 tháng do thay đổi cơ

cầu nhà đầu tư. Sau khi cơ cấu lại nguồn vốn công trình tiếp tục thi công thì bên Công ty T ngừng cung cấp nhựa nóng cho công ty GTXD S và tự ý phá vỡ hợp đồng không nêu lý do. Về phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán theo thỏa thuận tại các bản hợp đồng và phụ lục hợp đồng đều ghi rõ "*....Bên A sẽ thanh toán cho bên B trong vòng 30 ngày kể từ ngày bên B giao hàng và gửi bộ chứng từ thanh toán cho bên A bao gồm: Hoá đơn giá trị gia tăng, Biên bản giao hàng có xác nhận của đại diện hai bên; cuối tháng hai bên tiến hành đối chiếu công nợ, bên A xuất hoá đơn theo số lượng thực nhận tại công trình căn cứ theo đối chiếu công nợ. sau 30 ngày kể từ ngày xuất hoá đơn GTGT bên A phải thanh toán cho bên B toàn bộ giá trị hàng nhận....*". Công ty GTXD S đã chuyển số tiền 13.800.000.000^d là tiền tạm thanh toán trước (thanh toán tạm ứng) theo thỏa thuận trong hợp đồng. Hàng hoá hai bên giao nhận phải đầy đủ chữ ký của người được uỷ quyền đại diện ký xác nhận, sau đó cứ 30 hoặc 31 hàng tháng đối chiếu xác nhận công nợ khối lượng hàng, đơn giá và tổng tiền hàng trừ đi tiền đã tạm ứng hoặc tạm thanh toán, số tiền còn lại nợ hoặc thừa bao nhiêu hai bên ký xác nhận công nợ. Khi kết thúc hợp đồng hai bên phải đối chiếu thanh lý hợp đồng, kết quả đối chiếu công nợ mới là con số chính thức, xác nhận số nợ giữa hai bên để quyết toán. Về mặt đối chiếu công nợ giữa hai công ty chưa được thực hiện, số liệu đưa ra không hợp lý, không khớp số lượng, không khớp giá từng thời điểm. Vì vậy công ty GTXD S không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Lãnh đạo công ty GTXD S đã nhiều lần gọi điện thoại đề nghị lãnh đạo công ty T cho người đối chiếu công nợ để làm thủ tục thanh toán nhưng công ty T cố tình không thực hiện. Nay Công ty GTXD S đề nghị Toà án thông báo cho Công ty T bố trí người có nghiệp vụ và có thẩm quyền đối chiếu quyết toán công nợ đối với 02 bộ hợp đồng nói trên. Toàn bộ khối lượng, đơn giá sau khi có đối chiếu quyết toán thống nhất giữa hai bên mới là con số chính xác và số liệu đó mới có giá trị pháp lý.

Tại Bản án sơ thẩm số 03/2021/KDTM-ST ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang đã quyết định: Căn cứ vào các Điều 24, 34, 50 Luật Thương mại; khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần kinh doanh xây dựng và thương mại T về việc: Yêu cầu Công ty Cổ phần giao thông xây dựng S Hà Giang phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, tiền lãi chậm trả (*tính đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm ngày 17/11/2021*), tiền phạt vi phạm hợp đồng. Tổng số tiền là 3.728.362.953đ (*Ba tỷ bảy trăm hai mươi tám triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn chín trăm năm mươi ba đồng*).

2. Về án phí: Công ty cổ phần kinh doanh xây dựng và thương mại T phải chịu số tiền án phí KDTM có giá ngạch là 106.567.000đ (*Một trăm linh sáu triệu năm trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 49.037.000đ (*Bốn mươi chín triệu không trăm ba mươi bảy nghìn đồng*) Công ty cổ phần kinh doanh xây dựng và thương mại T đã nộp (*Ông Nguyễn Hồng*

Q nộp thay) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bắc Giang theo biên lai thu số AA/2018/0006982, ngày 06/3/2019. Công ty cổ phần kinh doanh xây dựng và thương mại T còn phải thi hành tiếp số tiền án phí còn thiếu là 57.530.000đ (*Năm mươi bảy triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng*).

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07 tháng 12 năm 2021, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty T anh Bùi Hữu T2 kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 07/4/2022: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Bùi Hữu T2 rút một phần kháng cáo về yêu cầu công ty GTXD S Hà Giang phải trả tiền phạt vi phạm là 91.898.968^d. Đại diện theo pháp luật của bị đơn ông Phạm Hải L có quan điểm: Công ty GTXD S Hà Giang yêu cầu công ty T phải đối chiếu công nợ, sau khi đối chiếu xong nếu công ty GTXD S Hà Giang còn nợ thì sẽ trả đủ tiền cho công ty T, nếu thừa công ty T phải hoàn trả cho công ty GTXD S Hà Giang. Sau khi thỏa thuận, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn thống nhất đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để các đương sự đối chiếu công nợ, tự thỏa thuận với nhau. Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 259 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày 06/5/2022, vắng mặt đại diện theo pháp luật của bị đơn. Đại diện ủy quyền của nguyên đơn có mặt, có ý kiến: Công ty T và công ty GTXD S Hà Giang vẫn chưa đối chiếu được công nợ do công ty T thay đổi trụ sở, chứng từ bị thất lạc, không có chứng từ để đối chiếu; đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để thu thập phụ lục bảng kê hóa đơn kèm theo tờ khai thuế giá trị gia tăng của các năm 2016, 2017 của công ty GTXD S Hà Giang; lấy lời khai bổ sung của bị đơn. Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 259 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày 24/5/2022, đại diện ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt có Đơn trình bày quan điểm và xin vắng mặt tại phiên tòa. Đại diện bị đơn vắng mặt không có lý do. Tại Đơn trình bày, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có quan điểm: Căn cứ vào biên bản lấy lời khai của Tòa án đối với bị đơn ngày 19/5/2022, phía bị đơn đã xác nhận đã nhận đủ và kê khai đủ 9 hóa đơn mà phía nguyên đơn đưa ra đối với cơ quan Thuế. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền gốc, lãi chậm trả, phạt vi phạm với số tiền: 3.728.362.953 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự cơ bản đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần kinh doanh xây

dựng và thương mại T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm, Công ty cổ phần kinh doanh xây dựng và thương mại T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Công ty T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty GTXD S, địa chỉ: Số 310 đường T, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang phải thanh toán số tiền còn nợ theo thỏa thuận của hợp đồng mua bán hàng hóa. Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang thụ lý vụ án và giải quyết là đúng quy định theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Bùi Hữu T2 về hình thức, nội dung và thời hạn kháng cáo theo đúng quy định tại Điều 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên kháng cáo được xem xét trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự trong vụ án: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty T ông Bùi Hữu T2 có mặt tại phiên tòa ngày 07/4/2022, ngày 06/5/2022, vắng mặt ngày 24/5/2022 có đề nghị xét xử vắng mặt. Người đại diện theo pháp luật của bị đơn ông Phạm Hải L có mặt ngày 07/4/2022, vắng mặt các ngày 06/5/2022, 24/5/2022 không có lý do. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Về nội dung kháng cáo của Công ty cổ phần kinh doanh xây dựng và thương mại T. Xét thấy:

[4] Từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, có đủ cơ sở xác định: Công ty T và Công ty GTXD S Hà Giang ký kết 02 bộ hợp đồng mua bán, theo đó, Công ty T cung cấp các sản phẩm nhựa đường và nhũ tương bán cho Công ty GTXD S để phục vụ thi công dự án đường cao tốc BOT Bắc Giang - Lạng Sơn, gồm: Hợp đồng mua bán hàng số BIT/1504-2016 ngày 15/4/2016 và 02 Phụ lục kèm theo gồm: Phụ lục Hợp đồng bán hàng số 02, ngày 01/6/2016 và Phụ lục Hợp đồng bán hàng số 03, ngày 18/6/2016; Hợp đồng bán hàng số 02.2016/TĐ-GTXD và Phụ lục Hợp đồng mua bán số 01 ký ngày 24/11/2016.

[5] Theo các Phụ lục hợp đồng bán hàng số 01 ngày 15/4/2016; Phụ lục hợp đồng số 02, ngày 01/6/2016; Phụ lục hợp đồng số 03, ngày 18/6/2016 kèm theo hợp đồng số BIT/1504 và Phụ lục hợp đồng bán hàng số 01, ngày 24/11/2016 kèm theo hợp đồng số 02.2016. Tại Điều I, khoản 1.2. Thời hạn thanh toán các bên đã thỏa thuận nội dung: "Vào ngày 30 (hoặc 31) hàng tháng, bên A cùng với bên B sẽ tiến hành đối chiếu khối lượng hàng hoá mà bên B đã cung cấp cho bên A từ ngày 01 đến ngày 30 (hoặc 31), ngay sau khi thống nhất được số lượng hàng hoá đã giao nhận bên B sẽ xuất hoá đơn giá trị gia tăng cho bên A tương ứng với số

lượng hàng đó để bên A làm thủ tục thanh toán cho bên B. Chậm nhất là 30 ngày tính từ ngày bên B phát hành hoá đơn GTGT bên A sẽ phải thanh toán toàn bộ giá trị tiền hàng ghi trên hoá đơn đó cho bên B".

[6] Các đương sự đều xác nhận sau khi ký kết 2 hợp đồng, bên B đã cung cấp hàng hóa cho bên A nhiều lần, Công ty GTXD S đã chuyển khoản cho Công ty T số tiền hàng 13.800.000.000^d (Mười ba tỷ tám trăm triệu đồng).

[7] Quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố H đã có Thông báo số 47/TB-DS ngày 07/12/2020, yêu cầu nguyên đơn cung cấp: "Các biên bản đối chiếu khối lượng hàng hóa; biên bản đối chiếu công nợ theo các phụ lục hợp đồng mua bán hàng hóa giữa hai bên" để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là có căn cứ nhưng Công ty T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ.

[8] Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tạm ngừng phiên tòa hai lần để hai bên đương sự tiến hành đối chiếu công nợ và để xác minh, thu thập thêm tài liệu chứng cứ về việc kê khai nộp thuế của công ty GTXD S Hà Giang tại Cục thuế tỉnh Hà Giang, yêu cầu bị đơn cung cấp tài liệu chứng cứ, lấy lời khai của bị đơn, nhưng hai bên không đối chiếu được công nợ (không có lý do); bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ, không xác nhận số nợ mà nguyên đơn đưa ra, vẫn tiếp tục yêu cầu nguyên đơn tiến hành đối chiếu công nợ.

[9] Trong các phụ lục hợp đồng giữa hai bên quy định phải có đối chiếu khối lượng hàng hoá nhưng nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh biên bản đối chiếu khối lượng và giá trị hàng hoá mua bán giữa hai bên; cả hai bên đều xác nhận chưa có bản đối chiếu công nợ, chưa thanh lý hợp đồng. Việc nguyên đơn cho rằng việc thanh toán đã được xác lập dựa trên thói quen thương mại giữa các bên là hợp lý nhưng không phải là căn cứ xác định số lượng hàng hóa giao nhận giữa hai bên. Nguyên đơn cho rằng bị đơn đã kê khai nộp thuế đối với toàn bộ 09 hóa đơn do nguyên đơn xuất ra là bị đơn đã xác nhận số nợ của bị đơn đối với nguyên đơn nhưng bị đơn không xác nhận nợ khi chưa có đối chiếu công nợ; hoá đơn bán hàng, hoá đơn giá trị gia tăng do nguyên đơn cung cấp không có chữ ký xác nhận của đại diện bên mua hàng nên không được coi là xác nhận công nợ của bị đơn đối với nguyên đơn. Do vậy, chưa có căn cứ xác nhận số lượng hàng hóa các bên đã giao, nhận, xác nhận số nợ thực tế của các bên, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[10] Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử thấy nội dung kháng cáo của nguyên đơn Công ty T là không có căn cứ để chấp nhận.

[11] Đối với đề nghị của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa đồng thuận với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[12] Án phí phúc thẩm: Công ty Cổ phần kinh doanh xây dựng và thương mại T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 308; Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, 34, 50 Luật Thương mại; khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần kinh doanh xây dựng và thương mại T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 03/2021/KDTM-ST ngày 17/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần kinh doanh xây dựng và thương mại T về việc: Yêu cầu Công ty Cổ phần giao thông xây dựng S Hà Giang phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, tiền lãi chậm trả (*tính đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm ngày 17/11/2021*), tiền phạt vi phạm hợp đồng. Tổng số tiền là 3.728.362.953đ (*Ba tỷ bảy trăm hai mươi tám triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn chín trăm năm mươi ba đồng*).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty cổ phần kinh doanh xây dựng và thương mại T phải chịu số tiền án phí KDTM có giá ngạch là 106.567.000đ (*Một trăm linh sáu triệu năm trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 49.037.000đ (*Bốn mươi chín triệu không trăm ba mươi bảy nghìn đồng*) đã nộp (*Ông Nguyễn Hồng Q nộp thay*) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bắc Giang theo biên lai thu số AA/2018/0006982, ngày 06/3/2019. Công ty cổ phần kinh doanh xây dựng và thương mại T còn phải thi hành tiếp số tiền án phí còn thiếu là 57.530.000đ (*Năm mươi bảy triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng*).

3. Án phí phúc thẩm: Công ty cổ phần kinh doanh xây dựng và thương mại T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) do Nguyễn Thanh T đã nộp thay tại chi cục Thi hành án dân sự thành phố H biên lai số 0000628 ngày 20/12/2021.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Giang.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Các đương sự;
- Cục THA DS tỉnh Hà Giang;
- Lưu HS - BP.

Đỗ Thị Kim Quy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN-
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Cường Lâm Anh Luyện

Đỗ Thị Kim Quy